

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TƯƠNG DƯƠNG
TỈNH NGHỆ AN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 23/5/2024
V/v tranh chấp hôn nhân
và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T D- TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Ái

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Quang

Ông Lương Khăm Niên

- Thư ký phiên tòa: Lê Thị Thảo- Thư ký Tòa án nhân dân huyện T D, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T D tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Lô Văn Tim - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T D, tỉnh Nghệ An đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 124/2023/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị K Th L, sinh năm 1996 (Có đơn xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Bản P, xã Ng M, huyện T D, tỉnh Nghệ An.

2. Bị đơn: Anh K V H, sinh năm 1995 (Vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

Địa chỉ: Bản P, xã Ng M, huyện T D, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 09/10/2023 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án chị K Th L trình bày:

- Về tình cảm: Chị K Th L và anh K V H tìm hiểu nhau được một thời gian thì kết hôn vào năm 2014. Chị L và anh H đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ng M, huyện T D, tỉnh Nghệ An vào ngày 09 tháng 3 năm 2018 trên cơ sở tự nguyện không ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đến đầu

năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên cãi vã, anh K V H nghiện ma túy, không chịu tu chí làm ăn, chăm sóc gia đình con cái, mâu thuẫn của hai vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng vợ chồng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống vợ chồng ngột ngạt, đến tháng 6/2022 do không chịu đựng được anh H nên chị L về sinh sống với ông bà ngoại và đi làm ăn để kiếm tiền nuôi con. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị L có nguyện vọng ly hôn để ổn định cuộc sống và công việc.

- Về con chung: Chị L và anh H có 02 con chung là cháu K Th Tr V, sinh ngày 14/8/2014 và cháu K D Th, sinh ngày 30/4/2018, hiện cháu đang sống với ông K V C và bà L Th Ch tại bản P, xã Ng M, huyện T D, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn thì chị L và anh H sinh sống với ông C và bà Ch tại bản P, xã Ng M, huyện T D, tỉnh Nghệ An. Vào tháng 6/2022 do không chịu đựng được anh H nên chị L chuyển về sinh sống với nhà bố mẹ đẻ ở bản Xốp Khẩu, xã Yên Thắng, huyện T D, tỉnh Nghệ An, khi chuyển về sinh sống với bố mẹ đẻ thì chị L đã đề nghị với anh H và ông bà nội cho hai cháu Vy và Thảo chuyển về sinh sống với chị nhưng ông bà không đồng ý. Sau khi chị L chuyển về sinh sống với ông bà ngoại thì chị L đi làm công nhân ở tỉnh Bắc Ninh. Hàng tháng chị L vẫn gửi tiền cho ông bà nội số tiền là 3.000.000đ để cho ông bà chăm sóc hai cháu, ngoài ra chị L còn gửi riêng cho các cháu sữa và đồ ăn. Chị L về thăm hai cháu nhiều lần nhưng ông bà đều từ chối và không cho chị L gặp các con. Bản thân chị L rất yêu thương các cháu, muốn đưa các cháu theo để chăm sóc nuôi dưỡng nhưng ông bà nội không đồng ý. Anh H hiện nay nghiện ma túy nên không đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung. Hai cháu đều do chị L chu cấp tiền nuôi dưỡng, bản thân chị L cũng muốn được trực tiếp chăm sóc hai con chung nên nếu ly hôn chị L có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ, các thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hoà giải hợp lệ cho anh K V H theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh H đều vắng mặt, vụ án không tiến hành hoà giải được do sự vắng mặt của bị đơn K V H. Nguyên đơn K Th L vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh K V H nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Kết quả xác minh tại địa phương thì anh K V H có hộ khẩu thường trú tại bản P, xã Ng M, huyện T D, tỉnh Nghệ An có vợ là chị K Th L và có 02 con

chung là cháu cháu K Th Tr V, sinh ngày 14/8/2014 và cháu K D Th, sinh ngày 30/4/2018 hiện cháu đang sống với ông K V C, bà L Th Ch. Chị K Th L đến sinh sống tại bản P, xã Ng M, huyện T D, tỉnh Nghệ An đến giữa năm 2022 đi làm ăn xa, đi làm ăn ở đâu thì chính quyền địa phương không nắm được. Chị K Th L thường xuyên thăm nom, chăm sóc cháu K Th Tr V, sinh năm 2014 và cháu K D Th, sinh năm 2018. Anh K V H hiện nay đi làm ăn xa, còn đi làm cụ thể ở đâu thì chính quyền địa phương không nắm được. Anh H thường xuyên liên lạc với gia đình qua điện thoại và thỉnh thoảng anh H vẫn về nhà.

Kết quả xác minh tại trường Phổ thông dân tộc bán trú tiểu học Ng M, huyện T D, tỉnh Nghệ An thì Cháu K Th Tr V hiện nay đang học lớp 4A3 Trường Phổ thông dân tộc bán trú tiểu học xã Ng M, T D, Nghệ An và cô Đậu Thị Nga làm chủ nhiệm lớp. Cháu K Th Tr V, sinh năm 2014 hiện cháu đang sống với ông K V C và bà L Th Ch tại bản P, xã Ng M, huyện T D, tỉnh Nghệ An. Trong quá trình học tập tại trường thì các khoản tiền đóng góp cho nhà trường và lớp thì mẹ cháu là chị K Th L chuyển khoản đóng tiền học và các khoản đóng góp của lớp trực tiếp cho cô chủ nhiệm Đậu Thị Nga. Do nhà ở gần trường nên cháu K Th Tr V tự đi bộ đi học, còn đi họp phụ huynh cho cháu thì có bà nội L Th Ch đi họp. Cháu K Th Tr V là học sinh trung bình trong lớp, tính tình ngoan ngoãn, lễ phép với thầy cô giáo, hòa đồng với bạn bè. Mẹ cháu chị K Th L thường xuyên liên lạc với cô chủ nhiệm hỏi thăm tình hình học tập của cháu Vy, mẹ cháu Vy rất quan tâm đến cháu Vy. Còn bố cháu K V H chưa từng hỏi thăm về tình hình học tập của cháu Vy với cô chủ nhiệm.

Kết quả xác minh tại trường Mầm non xã Ng M, huyện T D, tỉnh Nghệ An thì cháu K D Th hiện nay đang học mẫu giáo lớp 5 tuổi trường mầm non Ng M, huyện T D, tỉnh Nghệ An. Cháu K D Th, sinh năm 2018 hiện cháu đang sống với ông K V C và bà L Th Ch tại bản P, xã Ng M, huyện T D, tỉnh Nghệ An. Trong quá trình học tập tại trường thì các khoản tiền đóng góp cho nhà trường và lớp thì mẹ cháu là chị K Th L chuyển khoản đóng tiền học hơn một nửa, phần còn lại thì cháu được nhận tiền chế độ nên chị L và ông K V C nhất trí chuyển tiền chế độ sang nộp tiền học cho cháu. Còn tiền ăn hàng tuần chủ yếu là mẹ cháu chuyển khoản cho cô chủ nhiệm, thỉnh thoảng ông K V C đóng tiền ăn cho cháu. Ông K V C là người đưa cháu K D Th đi học, còn đi họp phụ huynh cho cháu thì có ông K V C đi họp. Cháu K D Th là học sinh khá trong lớp, tính tình ngoan ngoãn, lễ phép với thầy cô giáo, hòa đồng với bạn bè trong lớp. Mẹ cháu chị K Th L thường xuyên liên lạc với cô chủ nhiệm hỏi thăm tình hình học tập của cháu Thảo, mẹ cháu Thảo rất quan tâm đến cháu Thảo. Còn bố cháu K V H chưa từng hỏi thăm về tình hình học tập của cháu Thảo với cô chủ nhiệm.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/02/2024 cháu K Th Tr V con chung của chị K Th L và anh K V H: Cháu K Th Tr V có nguyện vọng sống với chị K Th L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T D, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn: Đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nguyên đơn chị K Th L cụ thể như sau: Quan hệ hôn nhân cho chị K Th L được ly hôn với anh K V H; Con chung: Giao cháu K Th Tr V, sinh ngày 14/8/2014 và cháu K D Th, sinh ngày 30/4/2018 cho chị K Th L chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh H; Tài sản chung, nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; Án phí: chị L chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng và các lời khai của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng: Đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Anh K V H có hộ khẩu thường trú tại Bản P, xã Ng M, huyện T D, tỉnh Nghệ An. Căn cứ vào Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn chị K Th L và bị đơn anh K V H thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện T D, tỉnh Nghệ An. Bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai không vì trường hợp bất khả kháng, trở ngại khách quan nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Quan hệ hôn nhân: Chị L và anh H kết hôn với nhau vào năm 2014 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc và được Ủy ban nhân dân xã Ng M, huyện T D, tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận kết hôn tại số 22 ngày 09/3/2018 vì vậy đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[3] Nội dung:

[3.1] Tình cảm: Chị L và anh H trong quá trình chung sống không hợp nhau, thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn của hai vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng vợ chồng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và đã sống ly thân với nhau từ năm 2022, chị L cũng thừa nhận, chị không còn tình cảm với anh H, không muốn tiếp tục chung sống với anh H và muốn được ly hôn để ổn định cuộc sống, mâu thuẫn phát sinh từ lâu nhưng cả hai không tìm ra được giải pháp khắc phục, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của chị L và anh H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị L là có căn cứ phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Con chung: Chị L và anh H có 02 con chung là cháu K Th Tr V, sinh ngày 14/8/2014 và cháu K D Th, sinh ngày 30/4/2018 hiện cháu đang sống với ông K V C, bà L Th Ch tại bản P, xã Ng M, huyện T D, tỉnh Nghệ An, khi ly hôn chị K Th L có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu K Th Tr V, K D Th cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Xét thấy, chị L và anh H sống ly thân từ tháng 6/2022, cháu Vy và cháu Thảo sống với ông K V C, bà L Th Ch nhưng chị L vẫn thường xuyên chăm sóc, nuôi dưỡng quan tâm các cháu, qua xác minh tại địa phương và trường Phổ thông dân tộc bán trú tiểu học Ng M, trường mầm non xã Ng M thì cháu K Th Tr V, K D Th sống với, ông K V C, bà L Th Ch, các khoản đóng góp cho nhà trường đều do chị K Th L đóng góp, chị L thường xuyên hỏi thăm với cô chủ nhiệm về tình hình học tập của các cháu, bản thân cháu Vy cũng có nguyện vọng sống với chị L, cháu Vy và cháu Thảo là con gái, cần sự chăm sóc của người mẹ hơn. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu cháu K Th Tr V, sinh ngày 14/8/2014 và cháu K D Th, sinh ngày 30/4/2018 cho chị K Th L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Vy, cháu Thảo đủ 18 tuổi, trưởng thành, chị L không yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh H được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở anh H thực hiện quyền này.

[3.3] Tài sản chung, nợ chung: Chị K Th L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Án phí và quyền kháng cáo: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, và Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị K Th L được ly hôn với anh K V H.

2. Con chung:

+ Giao con chung của nguyên đơn và bị đơn là cháu K Th Tr V, sinh ngày 14/8/2014 và cháu K D Th, sinh ngày 30/4/2018 cho chị K Th L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành.

- Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh H;

- Anh H có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một bên hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Tài sản chung, nợ chung: Chị L và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí: Buộc chị K Th L phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0005141 ngày 18/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T D, tỉnh Nghệ An.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ****Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An
- VKSND H.T D;
- Cơ quan THADS H.T D;
- Các đương sự;
- UBND xã Ng M;
- Lưu Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

Lương Thị Ái